TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 03 - 2023
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Bi.
2. Ông Thạch Tân Dân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông tham gia phiên tòa*:** Ông Đoàn Khắc Huy – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp *"Xin ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lê Trung H** - Sinh năm: 1987 (Xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn: **Nguyễn Thị Bích T**- Sinh năm: 1988 (Vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Đ, tỉnh Tiền Giang;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Trung H trình bày:*

Anh và chị T tiến đến hôn nhân do mai mối, có tổ chức cưới, đăng ký kết hôn ngày 01/10/2012 tại UBND xã H, huyện L, tỉnh N. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc cho đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị T ghen tuông vô cớ, bất đồng quan điểm nên thường hay cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2019 thì trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không

liên lạc để hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm không còn nên anh yêu cầu ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Lê Bích N, sinh ngày 09/02/2014; Lê Nguyễn Trung N, sinh ngày 07/4/2017. Hiện cháu N đang sống với anh, cháu N đang sống với chị T. Ly hôn, anh yêu cầu nuôi cháu N, giao chị T nuôi cháu Nghĩa, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định không có.

* Quá trình tố tụng bị đơn chị Nguyễn Thị Bích T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng chị T không đến Tòa án để tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không tham dự phiên tòa, cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của anh H.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

- *Về tố tụng:* Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

- *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Trung H. Cho anh Lê Trung H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích T.

+ Về con chung: Giao cháu Lê Bích N, sinh ngày 09/02/2014 cho anh H nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Lê Nguyễn Trung N, sinh ngày 07/4/2017 cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ án tranh chấp "Xin ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh H về việc xin ly hôn, nuôi con chung; Hội đồng xét xử nhận thấy:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh H và chị T có quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/10/2012 nên quan hệ hôn nhân của anh H và chị T là hợp pháp kể từ ngày đăng ký kết hôn.

Anh H trình bày, sau khi cưới cuộc sống anh chị hạnh phúc nhưng đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị T ghen tuông vô cớ, vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường hay cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2019 thì trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân cho đến nay, không hàn gắn được tình cảm. Chị T chưa có ý kiến trình bày, cũng không đến Tòa để dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không tham dự phiên tòa để được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy chị T cũng không tha thiết đến cuộc hôn nhân này và mặc dù ly thân đã lâu nhưng anh chị cũng không hàn gắn được tình cảm nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* có 02 con chung tên Lê Bích N, sinh ngày 09/02/2014; Lê Nguyễn Trung N, sinh ngày 07/4/2017. Hiện cháu N đang sống với anh, cháu N đang sống với chị T. Ly hôn, anh Hùng yêu cầu nuôi cháu Như, giao chị Thảo nuôi cháu N, chị T chưa có ý kiến đối với yêu cầu nuôi con của anh H. Xét thấy nguyện vọng của cháu N là muốn sống với cha khi cha mẹ ly hôn, cháu N đang sống với chị T nên Hội đồng xét xử giao cháu N cho anh H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu N cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: anh H xác định không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: anh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Lê Trung H.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho anh Lê Trung H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Bích T.

2. Về nuôi con chung:

- Anh Lê Trung H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Bích N, sinh ngày 09/2/2014, chị Nguyễn Thị Bích T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Trung N, sinh ngày 07/4/2017.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H, chị T được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, các thành viên trong gia đình anh chị không được ngăn cản.

3. Về án phí: Anh H phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008274 ngày 26/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú Đông. Anh H đã nộp đủ án phí.

Chị T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Anh Lê Trung H, chị Nguyễn Thị Bích T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện TPĐ;
- Chi cục THADS huyện TPĐ;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện L, tỉnh N;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm